

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/DS-ST  
Ngày: 12/7/2022  
“*V/v tranh chấp dân sự – Hợp  
đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Điệp;  
Ông Nguyễn Văn Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145A/2022/QĐST-DS, ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Đ.T.H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Tổ 5, Ấp MT, xã MX, HCL , ĐT.

**Bị đơn:** N.M.A, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: Tổ 22, Ấp MT, xã MX, HCL , ĐT.

(*Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt; ông A vắng mặt không rõ lý do*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Đ.T.H trình bày:** Ông N.M.A là chỗ quen biết với anh H và từng làm ăn với nhau. Vào ngày 15/8/2019 ông A có hỏi vay của anh H số tiền 30.000.000đ và có viết biên nhận. Sau khi vay ông A hẹn với anh H là sau vài tháng sẽ trả đủ số tiền cho anh H. Tuy nhiên thấy thời gian lâu mà ông A chưa trả lại số tiền đã vay nên anh H có nhắc nhở nhiều lần và ông A chỉ hứa hẹn nhưng không hoàn trả lại tiền cho ông H.

Nay anh Đ.T.H yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông N.M.A trả cho anh H số tiền 30.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 15/8/2019 đến ngày 22/6/2021 (22 tháng 07 ngày), nhưng anh H chỉ yêu cầu tính lãi tròn 22 tháng với lãi suất 1,66%/tháng là 10.956.000đ. Tổng cộng vốn và lãi là 40.956.000đ.

Tại tờ tự khai ngày 11/7/2022 của anh Đ.T.H trình bày xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu ông N.M.A trả số tiền gốc là 30.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

**Bị đơn ông N.M.A:** mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N.M.A nhưng ông A vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của N.M.A.

**Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của ngày 27/4/2022 của anh Đ.T.H (bản chính);
- Biên nhận ngày 15/8/2019 có chữ ký của ông N.M.A (bản chính);
- Đơn đề nghị xác nhận về tên thường gọi cậu H ngày 22/6/2022 của anh Đ.T.H (bản chính);
- Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 11/7/2022 của anh Đ.T.H (bản chính);
- Tờ tự khai ngày 11/7/2022 của anh Đ.T.H (bản chính);
- Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của Đ.T.H (bản phô tô);
- Biên nhận tiền ngày 15/8/2019 có chữ ký của N.M.A (bản chính);

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”, bị đơn là ông N.M.A có nơi cư trú tại Tổ 22, Ấp MT, xã MX, HCL, ĐT. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Đ.T.H có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông N.M.A đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.T.H và ông N.M.A theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào ngày 15/8/2019 tại thời điểm này Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn N.M.A vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và công khai chứng cứ, thông báo kết quả công khai chứng cứ, Thông

báo về việc yêu cầu đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng N.M.A vẫn không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để giải quyết vụ án. Do đó N.M.A đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án.

[5] Anh Đ.T.H là nguyên đơn có yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông N.M.A chỉ trả phần vốn gốc là 30.000.000đ và không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu này của anh H.

[6] Căn cứ vào biên nhận ngày 15/8/2019 có chữ ký của ông N.M.A với nội dung *“Tôi tên N.M.A có mượn cậu H 30.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn)”* có cơ sở xác định giữa anh Đ.T.H và ông N.M.A có giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau.

Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*.

Anh H trình bày đã nhiều lần yêu cầu ông A trả số tiền vay là 30.000.000đ nhưng ông A không thực hiện trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Nay anh H khởi kiện yêu cầu ông A trả nợ gốc là 30.000.000đ và không yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận.

Trường hợp ông N.M.A chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo bản án đã tuyên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

[7] Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn anh Đ.T.H được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn ông N.M.A phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nguyên đơn anh Đ.T.H được trả lại tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;*

*Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ.T.H đối với ông N.M.A.
- Buộc ông N.M.A có nghĩa vụ trả cho anh Đ.T.H số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

**- Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Anh Đ.T.H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Đ.T.H số tiền 1.023.000đ, tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007378, ngày 14/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Ông N.M.A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000đ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND HCL;
- Chi cục THA HCL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

**Lê Chí Tâm**